

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 171/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Bà Trần Thị Liên.

2./ Bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết H**, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.** –

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: **Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà **Phạm Thị Tuyết H** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Nguyễn Duy N** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 11/9/2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi chung sống tại địa chỉ **Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân

từ đó cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì tôi và các con về lại nhà bố tôi tại thôn C, xã H, thành phố B sinh sống. Nay tôi xác định tôi không còn tình cảm với ông Nguyễn Duy N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Duy N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có chung: 02 con

1./ Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/9/2009;

2./ Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 29/11/2011.

Hiện nay, tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu N1.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Kim N1 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Duy N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết H. Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Duy N. Về con chung: Giao cả 02 cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/9/2009; Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 29/11/2011 cho bà Phạm Thị Tuyết H chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Duy N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Duy N, địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Duy N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết H và ông Nguyễn Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà **Phạm Thị Tuyết H** và ông **Nguyễn Duy N** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông **N** vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “*Trong quá trình chung sống tại địa phương cho **H** và anh **N** có xảy ra mâu thuẫn, chị **H** và anh **N** sống ly thân từ năm 2019 cho tới nay*”

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà **Phạm Thị Tuyết H** xét thấy không còn tình cảm với ông **Nguyễn Duy N**, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà **Phạm Thị Tuyết H**, cho bà **Phạm Thị Tuyết H** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy N**.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà **Phạm Thị Tuyết H** và ông **Nguyễn Duy N** có 02 con chung là **Nguyễn Duy K**, sinh ngày 26/9/2009; **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 29/11/2011. Quá trình giải quyết vụ án bà **H** cũng có nguyện vọng được giao cháu **K** và cháu **N1** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu **K** và cháu **N1** đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà **H** có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cả 02 con chung cho mẹ là bà **Phạm Thị Tuyết H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Phạm Thị Tuyết H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà **Phạm Thị Tuyết H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn ông **Nguyễn Duy N** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị Tuyết H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị Tuyết H** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy N.**

2. Về con chung:

Giao cháu **Nguyễn Duy K**, sinh ngày 26/9/2009 và cháu **Nguyễn Thị Kim N1**, sinh ngày 29/11/2011 cho là bà **Phạm Thị Tuyết H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi)

Ông **Nguyễn Duy N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Phạm Thị Tuyết H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Bà **Phạm Thị Tuyết H** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0002793 ngày 15/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT; (Đã ký)
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Phú;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

Nguyễn Thị Loan

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa